

Thử viếng lại âm chữ V và D (hay Dz) trong tiếng Việt cổ

Nguyễn Nguyên

Bài này sẽ xem lại cách phát âm chữ V trong tiếng Việt cổ. Sau đó sẽ thử khảo sát về chữ D như trong một số từ: dung mạo, Kim Dung, dũng mãnh, da mặt, dễ ợt, miệt dưới, v.v. Đặc biệt sẽ cố gắng tìm một giải thích cho *lối phát âm D như Dz* của người Việt ở phía Bắc. Phát âm chữ D cũng liên quan đến V theo kiểu phát âm miền Nam, và bài này sẽ liên hệ đến một bài trước với tựa: ‘Thử tìm lại phát âm chữ V trong tiếng Việt cổ’ (gọi tắt: Chữ V).

Trước hết xin tóm tắt những điểm chính yếu trong bài ‘Chữ V’:

1. Có thể nói tất cả các ngôn ngữ Nam Á và Hán Tạng cho đến khoảng thế kỷ 17 hoàn toàn không có âm bắt đầu bằng chữ V như trong tiếng Pháp, tiếng Anh: vers le soleil, hoặc very bad, và chỉ có âm gần giống nhưng nhẹ hơn W như: đi Wià (đi về), con Uoi (Woi, con voi), Vương Yũ (Wang Yu, tài tử Vương Vũ).
2. Từ ‘Việt’ trong Việt Nam, tiếng Quan Thoại gọi là Yuế, Quảng Đông gọi Yuệt, tiếng Nhật gọi ‘Beto’ (gần giống với phát âm người Nam bộ: Byiệt), tiếng Mường gọi Yít. Do đó theo lối ‘điền vào chỗ trống cho hợp lý’, chắc hẳn tiền nhân Việt Nam cho đến thế kỷ 17 đã phát âm từ ‘Việt’ là ‘Yiệt’ hay ‘Byiệt’.
3. Tương tự một số từ hiện viết bắt đầu bằng chữ V đáng lẽ phải được viết bằng Y theo như nguồn gốc phát âm của chúng:

Yũ thay vì Vũ, chỉ lông chim, mưa gió (quan thoại: Yu - có dấu).

Yiên thay vì Viên, như trong công viên, nhân viên (quan thoại: Yuan).

Yiển thay vì Viễn, như trong ‘viễn vọng’ (yiển vọng, quan-thoại: yuan wang)

Yện thay vì Viện, như viện trợ, viện trưởng

Yĩnh thay vì Vĩnh, như vĩnh biệt (yĩnh biệt, qt: yong bie)

Yũ thay vì Vũ, như trong ‘vũ trụ’ (yũ trụ, qt: yu zhou)

Yiêm thay vì Viêm, như trong ‘viêm nhiệt’ (yiêm nhiệt, yan re)

Yực thay vì Vực, như ‘lĩnh vực’ (lĩnh vực => lingyu)

v.v.

Xin ghi chú thêm: Đa số các từ có âm bắt đầu bằng Y thường giống nhau giữa tiếng Quan Thoại và tiếng Quảng Đông, chỉ trừ một hai ngoại lệ. Thí dụ như từ Vân (Mây). Quan thoại đọc YUN, Quảng Đông đọc Wan theo Bình Nguyên Lộc xuất phát từ tiếng Mã Lai AWAN (mây).

4. Các giáo sĩ và cố đạo người Pháp trong công trình kiến tạo chữ quốc ngữ có lẽ đã dùng chữ V để ký âm cùng một lúc cho chữ W và Y (hay By theo lối đọc

phía Nam). So với các ngôn ngữ khác của Á Châu như tiếng Nhật, tiếng Tàu, tiếng Nam Dương (Indô) tiếng Việt thiếu hẳn chữ W đáng lẽ đứng vào vị trí then chốt của chữ V. Chữ quốc ngữ do các giáo sĩ Tây tạo dựng cũng không dùng chữ Y như Y trong tiếng Anh: YES, YOU, YELL, mà lại dùng như i trong một số ít từ như: Yêu, Yếu nhân, chim Yến, tất cả đều có thể thay bằng i: iêu, iếu nhân, chim iến. Hoặc Y theo tính chất i-dài chỉ dùng ở cuối từ như: Thúy Kiều, tuy nhiên, suy đoán, thấy, v.v.. (Gần đây người ta có thể thấy rằng Y ở cuối từ vẫn có thể được hoàn toàn thay thế bằng i-ngắn. Xin đọc ‘Thử tìm giải pháp cho người yêu thay i-ngắn cho y-dài’).

Nếu so sánh một quyển tự điển Việt-Anh với một quyển tự điển Hoa-Anh ta sẽ thấy tự điển Việt không có trang nào chứa từ bắt đầu bằng chữ W, và ngược lại tự điển Hoa không có chữ V, mặc dù có đến 60 phần trăm từ Việt xuất thân từ tiếng Hán tức tiếng Hoa (xem Vũ Thế Ngọc: ‘Nghiên cứu chữ Hán và tiếng Hán Việt’ EastWest Institute 1989). Ngôn ngữ của dân tộc Indô (Nam Dương) cũng vậy, gần như hoàn toàn không có âm bắt đầu bằng V, mà chỉ có âm W, như trong tên phổ thông Widjaja. Đặc biệt, nếu xem qua các tự điển Việt-QuanThoại hay Việt-QuảngĐông ta sẽ thấy các từ hiện viết bắt đầu bằng V như vũ-trụ, viên-mãn, Việt-Nam, công viên, v.v., thật sự đáng lẽ phải được ký âm hay viết bắt đầu bằng chữ Y: yũ-trụ, yiên-mãn, Yiệt-Nam, công yiên, v.v., chiếm đến khoảng 30 phần trăm của các từ gốc Hán Việt bắt đầu bằng chữ V. Thêm vào đó một số từ thuần nôm có liên hệ gốc gác ít nhiều đến các ngôn ngữ Nam Á như tiếng Mã Lai, tiếng Mường và một lô các thứ tiếng của dân tộc ít người tại bán đảo Đông Dương chắc hẳn đã được phát âm bằng By như Byua (Vua) - theo kiểu người Nam bộ - lại chiếm thêm một số phần trăm nữa. Phần còn lại, những từ bắt đầu bằng V có lối phát âm V theo kiểu Tây Phương và người phía Bắc, nguyên thủy được mượn từ tiếng Tây, tiếng Y Pha Nho, Bồ Đào Nha, Latinh, v.v. dùng để ký âm và thay thế âm W của tiếng Việt cổ. Đó là những từ như: Về (Wia hay We, Yiệt cổ), Văn hoá (wen hua, qt), vạn (wan), vương (wang, qt), v.v. Thành ra trong lối phát âm chữ V trong tiếng Việt, cả người Nam bộ và người phía Bắc đều phát âm *biến đổi so với tiếng Việt cổ* mỗi bên khoảng 50 phần trăm! Muốn nhớ điều này cứ lôi tên tài tử phim kungfu của Hongkong tên Vương Vũ. Người Bắc bộ phát âm như Vương Vũ, người miền Nam như Yương Yũ - và chính ra phải Vương Yũ theo như gốc tiếng Tàu: Wang Yu. Yũ ở đây có nghĩa lông chim chứ không phải Vũ của vũ công.

Những từ thuần nôm chắc hẳn đã được phát âm như By theo kiểu Nam bộ hiện rất khó tìm vì đòi hỏi công trình nghiên cứu rất công phu, cũng như việc đối chiếu với các ngôn ngữ của các dân tộc ít người tại Việt Nam, và của người Mã Lai, người

InĐô, v.v.. Trước mắt chỉ có hai tài liệu, một của Bình Nguyên Lộc (BNL) ‘Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam’ xuất bản tại Sài Gòn 1971 và hai, bài của Hồ Lê trong quyển kỷ yếu của nhiều tác giả ‘Tiếng Việt và các Ngôn ngữ Dân Tộc phía Nam’ xuất bản 1992 tại Sài Gòn. Xin trích ra một số từ bị ‘tình nghi’ là thủ phạm của lỗi phát âm V như By của người Nam bộ:

Vải (fabric): byải (tiếng Mạ), kpải (Bàna)

Vua (king): Bua (Việt thế kỷ 17), Bua (Mường), Büura (Bàna)

Vàng (yellow): Yềng (Mường)

Vuốt (vuốtve, caress): puốt (Xtiêng), phyê (Danaw), xapu (MãLai), xpôt (Môn)

Vú (breast): bu (Palaung, Riang), pu (Darang, Son, Angku). ‘Bú vú’ xuất phát từ đây chăng?

Vai (shoulder): yaq (Palaung), pnah (Mường)

Vơ (dừa, sweep off): yô (Khơme), yôk, iok (Banah), yôk (Xơđăng)

Vé (ticket): Piao (quan thoại)

Vía (hồn vía, soul/spirit): piái (Mường)

Vàm (sông Vàm Cỏ): Piam (Mã Lai)

Rõ ràng chữ V đã được các giáo sĩ dùng để ký âm một lúc 2 âm W và Y (hay By). Tỷ lệ phân phối hai âm W và Y (nếu kể luôn By) này trong tiếng Việt cổ rất có thể lên đến 50-50, tức âm nguyên thủy Y (hay By theo kiểu Nam Bộ) hiện đều được viết V chiếm tỷ số rất cao, cao hơn nhiều người nói tiếng Việt vẫn hằng nghĩ đến! Thắc mắc hiển nhiên nhất sẽ là tại sao người Bắc Hà (phía Bắc sông Gianh) lại tống hết các âm W và Y vào với V, và người Nam Hà có khuynh hướng nhét hết hai thứ W và Y vô âm Y hay By. Hơn nữa, tại sao vấn đề quá giản đơn và hiển nhiên như vậy lại nằm trong đồng cát bụi của một thời gian quá dài như Nguyễn Du đã ao ước có người sẽ hiểu ông:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

(Ba trăm năm nữa ai người sẽ

Nhỏ lệ buồn cho một Tố Như)

Một phần của việc truy tìm giải đáp cho những thắc mắc này cũng được dùng để giải thích hiện tượng tại sao người Bắc Bộ lại có khuynh hướng phát âm Y như Dz (trong những từ bắt đầu bằng D: Dững, Dung, Dương Qua), sẽ được đề cập phía sau. Nhưng trước hết xin mạo muội đưa ra một số giả thiết nhằm giải thích hiện tượng V đọc cho W và Y trong ngôn ngữ Việt Nam, đã nằm trong bóng tối trong khoảng 3 trăm năm!

Thứ nhất, như gần 2 triệu người Việt hiện định cư tại nước ngoài có thể nhận xét, muốn thông thạo một ngoại ngữ người ta cần phải sinh sống và xử dụng ngôn ngữ đó ngay tại nước đó ít lắm từ 10 đến 20 năm. Tốt nhất là sinh ra và lớn lên ngay tại nước ngoài thì giọng nói mới không bị lố (accent). Nhớ người Hoa tại Việt Nam, lúc nào họ nói tiếng Việt vẫn có accent, vẫn bị lố. Chỉ trừ những thiếu niên người Hoa đi theo học trường Việt ngay từ nhỏ khả dĩ mới có thể ‘hoà mình’ với giọng nói của người Việt bản xứ. Các giáo sĩ có công kiến tạo chữ quốc ngữ chắc chắn cũng đã bị lâm vào tình trạng ‘chưa rành’ tiếng Nôm mà phải ra công ghi ký âm tiếng Nôm bằng chữ cái alphabê của tiếng Latinh để tạo dựng chữ quốc ngữ! Ngôn ngữ nào đối với người nước ngoài cũng ‘khó’ cả. Một trong những yếu tố khiến ngôn ngữ trở thành khó khăn đối với người nước ngoài là việc biến chuyển ý nghĩa của từ (nuances) theo với thời đại, và biến chuyển của giọng nói hay cách phát âm theo địa phương. Thí dụ, đọc truyện kiếm hiệp ta thấy người Hoa dùng ‘giới giang hồ’ có nghĩa những người từng trải, nay đây mai đó, đi sông vượt hồ, hành hiệp cứu người. Sang qua tiếng Việt qua dòng thời gian, ‘giang hồ’ đi với gái giang hồ lại mang nghĩa ‘gái điếm’. Ở Sài Gòn cứ vài năm là có một cụm từ mới, như ‘sức mấy’, ‘bề hội đồng’, ‘bỏ qua đi tám’, ‘tuyệt chiêu’, v.v.. Những biến chuyển này không có một từ điển nào cập nhật cho kịp! Biến chuyển theo với địa phương quá hiển nhiên không cần đề cập nhiều ở đây - nhưng chỉ xin đơn cử thí dụ người Bắc Hà, xin được nhấn mạnh sau thế kỷ 17 chứ không phải trước đó, có một khuynh hướng phát âm *quốc ngữ* như *cuốc ngữ* và người Nam đọc *quác ngữ*; người Trung và người Nam phát âm *Cộng Hoà* như *Cộng Hoà* (trên một hai con tem thời 1954-65 còn viết Cộng Hoà), . . . Do đó ta có thể xác nhận rằng trong tình thế ‘khẩn trương’ đòi hỏi một ngôn ngữ dựa trên mẫu tự Latinh cho tiếng ‘An-Nam’ trong công cuộc truyền giáo của mình, các giáo sĩ Tây Phương mặc dù chưa nắm vững hoặc hiểu thật rõ, hay phát âm tiếng Nôm vẫn còn lố, đã tạo dựng nên phần lớn của căn bản chữ quốc ngữ cho nước Nam.

Lý do thứ hai, và lý do này liên quan đến việc dùng chữ cái V phiên âm một lượt cho hai âm W (con Voi/ voi) và Y hay By (ông Byua/ vua), cho tiếng Nôm ở thế kỷ 17. Đó là ta phải xem thật ra đối tượng chính trong công cuộc ký âm ban đầu tạo dựng chữ quốc ngữ là ai. Đối tượng chính, theo thiện ý, thật ra *không phải là người Việt Nam*! Người Việt Nam chỉ là đối tượng phụ. Đối tượng chính là những ông giáo sĩ khác, những người ‘lái buôn’, những thương gia đang qua lại miền Đông Á, và có thể những người trong giới cầm quyền tại Paris, tất cả đều là người Pháp. Bởi đối tượng chính này là những người Tây nên cái tiêu chuẩn hay ràng buộc hàng đầu cho các giáo sĩ đã là phải cấu trúc tiếng Việt làm sao cho các ông Tây bà đầm có thể đọc được dễ dàng. Tức là *không nên dùng chữ cái W* (của

tiếng Anh, tiếng Hoà Lan, tiếng Đức, v.v.) để phiên âm cho Văn Hoá, Vương Yũ, đi Về, v.v. mà phải dùng V cho Văn hoá, Vương Yũ, đi về, v.v. bởi những ông Tây sau đó nếu phải xử dụng âm W, như trong *con Woi (voi)*, sẽ bỡ ngỡ và có thể gặp khó khăn, và có thể than phiền với nhà cầm quyền ở Paris hay với giáo hội. Tuyet đối cũng không được dùng Y ở đầu từ mang âm như YES, Yummy, Yul Brynner, v.v. trong tiếng Anh, mà chỉ dùng nó như i ở đầu từ (như yêu / iêu, đau yếu / iếu) và như i-dài ở cuối từ (như ThaY đổi). Để đáp ứng với đòi hỏi khó khăn này các giáo sĩ đã vay một chữ cái mang âm hoàn toàn khác biệt với Y (cho Yũ / vũ: mưa, Yên chức / viên chức, v.v.) để thay thế cho Y. Đó là chữ cái D như trong Dầu, dương thế, dễ dàng (đáng lẽ phải là yâu, yương thế, yể yàng!), v.v.. Chữ ‘D-Tây’ này đọc là Đ của tiếng Việt như trong dans la salle, diaspora, Disneyland, Demi Moore, Denis Quaid, v.v. bị dùng để thay cho Y, nên các giáo sĩ lại mượn Đ của tiếng nước Băng Đảo (Iceland) nằm ở phía Bắc nước Anh đem vào trám chỗ cho chữ ‘D-Tây’. Việc thay thế Y bằng D-tây, rồi Đ cho D-tây, theo thiện ý, là một điểm thiếu hoàn hảo quan trọng trong việc cấu tạo chữ quốc ngữ của các giáo sĩ Tây phương, như sẽ đề cập phía sau. Ta có thể bắt chước nữ tài tử Joan Collins gọi đó là Past-Imperfect (quá khứ không hoàn hảo).

Cũng bởi hai lý do nêu trên, hai âm W và Y bị sát nhập lại làm một. Người Nam Hà trong quá trình học chữ quốc ngữ đã lẫn lộn các từ bắt đầu bằng W thành ra Y hay By bởi họ chỉ nhìn thấy tất cả những từ đọc bằng Y và W trong nguyên thủy đều viết bắt đầu bằng chữ V. Người Bắc Hà ngược lại hoan hô chữ V mới thay cho âm W cũ (âm W, như trong con woi, Vương Thúy Kiều, đều hiện diện trong tất cả các thứ tiếng như tiếng Tàu, tiếng Nhật, tiếng In-Đô và như hầu hết các ngôn ngữ Đông Nam Á) và trong quá trình nhận dạng chữ V viết cho các từ đáng lẽ viết bằng Y hay By như Yũ trụ, Buya chúa, công yên, yện trưởng, v.v. họ dần dà phát âm luôn, nhưng đúng theo ký hiệu chữ V-tây, thành ra vũ trụ, vua chúa, công viên, yện trưởng, v.v.. Lối ‘đọc thay đổi với âm nguyên thủy’ này ta có thể tạm gọi là lối biến đổi ‘hài thanh’, những người học chữ Hán đều quen thuộc. Đó là những từ vì viết chữ có phần gốc giống nhau, nên có âm giống nhau. Thí dụ miêu dùng để chỉ con mèo, cũng đọc là miêu để chỉ ‘mạ’, miêu để chỉ cái mỏ neo. Nay gọi ‘lối biến đổi hài thanh’ dùng để diễn tả phát âm chữ V đi làm dâu hai họ W và Y. Sẽ có người lộn V với Y rồi đọc nó là Y (như yăn hoá, yăn yõ, thay vì văn hoá, văn võ) như người Nam. Cũng sẽ có người vẫn lộn nó luôn luôn dùng để thay cho W nhưng theo kiểu hài thanh sẽ tiếp tục đọc nó là V luôn tuốt cho những từ có âm bắt đầu bằng Y (như vũ lộ, viên chức, thay vì yũ lộ, yien chức), như người Bắc.

Vấn đề có vẻ hiển nhiên này đã nằm chìm theo dòng thời gian trên dưới cũng đã 300 năm. Liên quan đến vấn đề này nếu nhìn trên phương diện *hoàn toàn khách quan* của một người có quốc tịch Úc, Mỹ hay Pháp, Anh, Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, v.v. người ta có thể nói trong quá trình chuyển từ tiếng Nôm sang chữ quốc ngữ, người Bắc Hà đã biến chuyển lối phát âm của nước mình (Yiệt Nam ra Việt Nam), còn người Nam bộ phát âm sai *Wăn hoá* của dân tộc mình (văn hoá, chứ không phải yăn hoá). Sai hay biến chuyển, xin nhấn mạnh, đều lấy thế kỷ 17 làm điểm mốc. Cũng chẳng sao, bởi Yiệt xuất xứ từ lối gọi người Wăn Lang (Văn Lang, xin xem Hoàng Thị Châu, có trích dẫn trong bài ‘Chữ-V’) của người Tàu từ thời cổ thượng, chứ người Yiệt trong thời đại Hùng Vương chắc hẳn đã không gọi dân tộc mình là Yiệt tộc. Còn ‘văn hoá’ chỉ là một từ Hán Việt cũng vay mượn từ tiếng Tàu. Nếu vị trí địa dư của Việt Nam nằm xa Trung quốc hơn, chắc hẳn tiền nhân Việt Nam sẽ không gọi đó là ‘văn hoá’ hay ‘văn minh’ mà đã gọi hay diễn tả chúng bằng các ‘cụm từ’ khác! Và chắc cũng không bao giờ có tên gọi Yiệt hay Việt trong lòng dân tộc! Cái gì của Caesar xin hãy trả lại cho Caesar! Phải chăng tiền nhân Việt ở hai miền Bắc Nam trong tiềm thức đã nghĩ như vậy khi họ trả lại cho Trung Quốc, từ Yiệt và wăn hoá, những gì thật sự không phải của tiền nhân nước Văn Lang?

Thế nhưng tại sao lại có hiện tượng này và tại sao nó dễ bị dòng đời quên lãng như vậy? Trước khi truy tìm câu trả lời hay các giả thiết giải đáp cho hiện tượng ‘động trời’ này, xin nhấn mạnh phát âm V là Y hay By của đến phân nửa các từ bắt đầu bằng V trong tiếng Việt (như Buya chúa, yũ bão, công yiên, v.v.) không phải do người Nam Bộ ‘sáng chế’ gì ra mà nó lại xuất xứ từ đất Bắc Hà. Người Bắc chỉ phát âm như vua chúa, vũ bão, công viên, và đã dần dà dẹp lối phát âm cũ trong các thế kỷ 17 đến 19 khi chữ quốc ngữ bắt đầu được phổ biến. Phát âm này cũng như một lô từ như Bông thay vì Hoa, Trái thay vì Quả, v.v. trước giờ thường tưởng là lối gọi đặc thù Nam Bộ, thật ra xuất phát ở thế kỷ 17 tại miền Bắc. Yĩ yăn đi về phía Nam trong các cuộc Nam tiến đã đem nó vào Nam không hề thay đổi và giữ mãi cho đến ngày nay.

Bình Nguyên Lộc trong quyển ‘Nguồn gốc Mã Lai’ đã trích dẫn một bài thơ, từ một quyển sách của Hoàng Xuân Hãn, của một thi sĩ Bắc Hà vào thời xưa cổ rõ ràng dùng từ Bông chứ không phải Hoa! Bình Nguyên Lộc còn ghi lại theo quyển ‘Khâm dịch Việt Sử Thông Giám Cương Mục’ của giáo sư Langlet ở đại học Văn Khoa Sài Gòn ngày trước rằng có thể việc di tản chiến lược của trên 50000 lính Tàu ở Bắc Hà trong cuối thời Minh sang qua Thanh đã ảnh hưởng đến việc Hoa-ngữ hoá một số từ thông thường ở đàng Ngoài. Việc di tản một số khổng lồ của tàn

quân nhà Minh đến Bắc Hà đã làm Chúa Trịnh nhức đầu không ít, nhưng rất tiếc, có thể vì một lý do nào đó, sử Việt hình như chưa có dịp nghiên cứu kỹ. Giả thiết ‘Hoa ngữ hoá’ này được tăng thêm sức thuyết phục mạnh mẽ nếu tra ra từ Bông trong bản so sánh các từ tiếng Nôm với các ngôn ngữ thuộc nhóm Nam-Á do Hồ Lê cung cấp trong quyển kỷ yếu ‘Tiếng Việt và các Ngôn ngữ Dân Tộc phía Nam’. Theo đó tiếng Mường (ở ngoài Bắc) gọi Bông là Pông, tiếng Xơđăng là Bông, tiếng Chăm, Bangu. Nguyễn Du (vào thế kỷ 18) trong Truyện Kiều có câu dùng cả *bông* và *hoa*, có lẽ đúng vào thời kỳ chuyển tiếp, giao ban, giữa *bông* và *hoa* tại miền Bắc:

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

TRÁI cũng vậy. Người Biat, Co, Boloven, Brâu, Kôho gọi là *PLAI* (âm TL hay BL, PL ở vào thế kỷ 17 chính là âm TR hiện nay: ông Trời ngày xưa gọi ông Blời!), người Xơđăng gọi Trái là *Polai*, Xiêng gọi *Ploy*, người Mường, *Thay*. Việc người Bắc di cư vào Nam sau Hiệp định Genève 1954 lấy làm lạ khi thấy người Nam gọi Hoa là Bông, Trái thay vì Quả, cũng giống như những người phía Bắc sinh sau 1954 vào Nam Bộ sau 1975. Những người này sẽ ngỡ không ít khi nghe người trong Nam nói: tìm ra, đi chơi hay đi xem cảnh, nghĩ ra, nhanh lên, xinh đẹp, v.v. thay vì: phát hiện, đi tham quan, phản ánh, khẩn trương, có ngoại hình, v.v.. bởi sau mấy mươi năm quan hệ mật thiết với Trung quốc, ngôn ngữ Việt ở phía Bắc cũng bị ảnh hưởng sâu đậm như thời chúa Trịnh kể trên.

Hiện tượng một từ xuất xứ ở một nơi (hoặc ngay cả lối phát âm), được người di cư đem đi chốn khác hay người chốn khác vay mượn, rồi về sau tại nơi xuất xứ ban đầu, từ đó có biến đổi, và trong khi đó ở nơi vay mượn hay nơi người di cư mang đến, những từ cũ đó vẫn giữ nguyên, - mọi người đều có thể tưởng lầm rằng từ vay mượn hay mang đi đó, hoặc cả lối phát âm, là những gì đặc thù của nơi vay mượn. Hiện tượng này đã xảy ra với tiếng Hán Việt như Vũ Thế Ngọc (trong ‘Nghiên Cứu chữ Hán và tiếng Hán Việt’) đã dẫn chứng. Tiêu biểu là từ *Buồng* mang nghĩa Phòng (room), nhiều người vẫn thường tưởng là tiếng Nôm thuần túy! Buồng chính là âm Hán Việt của thời Thượng cổ mượn từ Buàng trong phát âm tiếng Tàu hồi đó. Đến thời Trung cổ bên Tàu âm này biến thành Buồng, và đến ngày nay tiếng quan thoại phát âm là Fang, gần với Phòng hơn.

Sau khi ghi nhận rằng những người có trách nhiệm sáng chế ra chữ quốc ngữ chưa hẳn đã thông thạo chữ Nôm ở thế kỷ 17, ta có thể ghi nhận tiếp rằng mặc dù vậy, phản ứng của dân chúng Việt Nam đối với chữ quốc ngữ rất cuồng nhiệt! Bằng

chúng là ở thế kỷ 17 có thể phỏng chừng 10 phần trăm dân số là biết đọc và biết viết chữ Nôm và chữ Hán. Đó là những nhà Nho, những quan lại, những ông Nghè ông Cử, thuộc giai cấp hàng đầu là Sĩ. Còn 90 phần trăm kia chỉ có tiếng nói mà không biết chữ viết. Tức mù chữ! Thế mà đến cuối thế kỷ 20, trong các làng xê kêu gọi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, các kinh tế gia và các nhà doanh thương Âu Mỹ thường nêu lên con số 90 phần trăm dân số Việt Nam biết đọc biết viết, và vài chục phần trăm biết thêm một hai ngoại ngữ!! Đó là thành quả lớn lao nhất của chữ quốc ngữ do công trình các giáo sĩ Tây Phương. Qua việc xử dụng chữ quốc ngữ, có đến hàng trăm hàng ngàn người Việt hiểu rõ tâm sự của Tố Như, và đến 90 phần trăm dân số đều biết đến Nguyễn Du và quyển Truyện Kiều bất hủ. ‘Lý do đầu tiên’ đã khiến mọi người không để ý đến biến chuyển ‘động trời’ của chữ V, chữ W, chữ Y, chữ D rồi Dz (!) chính lại là ‘lý do tiền đầu’ tức là chữ quốc ngữ đã giúp họ một phương tiện hữu hiệu cho việc mưu cầu sinh kế, và mở mang kiến thức. Mê học chữ quốc ngữ trong thuở ban đầu đến nỗi quên ăn quên ngủ, quên để ý đến sự biến chuyển đó.

Chữ quốc ngữ đã may mắn đến nước Nam trước cuộc cách mạng Công Nghệ diễn tiến tại Âu Châu vào thế kỷ 18. Nhưng trở trêu thay cho giai cấp Sĩ, tức giai cấp những người Việt đã hấp thụ Tây học hay những sĩ phu tiến bộ đã góp phần chính vào việc truyền bá chữ quốc ngữ, sự lan tràn của chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng Công Nghệ đã vô hình chung đẩy giai cấp Sĩ xuống phía dưới, trong mức thang Sĩ Nông Công Thương, và đưa Công với Thương lên trên!

May mắn cho Việt Nam còn ở chỗ so với tiếng Hán, chữ Nôm mà Nguyễn Du đã dùng để viết Truyện Kiều là một chữ cực kỳ khó khăn và phức tạp. Muốn học nó thông thường phải học tiếng Tàu trước!!! Muốn thông thạo chữ Nôm có lẽ phải tốn ít nhất là 7 năm, và không phải ai cũng học được, nếu không xác nhận rằng chỉ một số ít người mới học được. Trong khi đó chỉ cần chừng 9 tháng là có thể học biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ, và hầu như ai học cũng được. Chữ quốc ngữ đã tới Việt Nam thật đúng lúc và trong vài thế kỷ qua đã là phương tiện hữu hiệu cho cảm thông, thông tin, quân sự, chính trị, phát triển văn hoá, văn nghệ, mỹ thuật, ca kịch nghệ, khoa học, kỹ thuật, v.v. nghĩa là cả một nền tảng thiết yếu và thuận lợi cho sức sống dân tộc. Thử tưởng tượng nếu không có chữ quốc ngữ, người Việt sẽ phải loay hoay lâu hơn so với người Tàu và người Nhật trong việc gia nhập cách mạng internet hiện nay. Bởi tiếng Nôm còn khó hơn tiếng Tàu và tiếng Nhật rất nhiều.

Sự sai lạc hay biến chuyển của các âm như âm V và Dz (như sẽ trình bày phía dưới) có vẻ xuất phát từ những vị tôn sư ban đầu. Đó là các Cha, các ông Cố Đạo, thầy giảng, các người Việt Nam thấm nhuần Tây học, hoặc những người đã theo giúp các cố đạo ra công truyền bá chữ quốc ngữ. Trong các tác giả tiên khởi của chữ quốc ngữ có mặt tại Việt Nam vào khoảng thế kỷ 16, đáng kể nhất là *Alexandre de Rhodes* còn gọi *Jean Rhodes*, vào hàng Trong giảng đạo trước, về sau ra hàng Ngoài, và có gặp chúa Trịnh. Sau đó Alexandre de Rhodes trở về Pháp và cho xuất bản địa đồ nước An-Nam vào năm 1649, quyển Sử Ký Bắc Hà năm 1652, và quan trọng nhất, quyển tự điển 3 thứ tiếng: Việt, Bồ Đào Nha, và Latinh (1651). Thế tại sao tên quan trọng nhất Việt Nam các giáo sĩ thuở ban đầu và một hai thế kỷ sau lại không lưu ý để nó tự biến thành Việt Nam? Thật ra quốc hiệu của nước trong suốt từ thế kỷ 15 khi Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh cho đến đầu thế kỷ 19 khi Gia Long thiết lập nhà Nguyễn, là một vấn đề hơi lộn xộn, và hình như chưa có công trình nào nghiên cứu kỹ việc này. Cũng như việc nghiên cứu xem vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, v.v. hay ngay cả Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, ông nào có học qua chữ quốc ngữ và ông nào thông thạo quốc ngữ nhất - sử liệu hãy còn thiếu sót. Các sách sử có ghi sau khi đuổi xong quân Minh, Lê Lợi tạo dựng nên nhà Lê và tự đổi quốc hiệu ra Đại Việt. Nhưng quốc hiệu Đại Việt này đã không có sự chuẩn nhận của Trung Quốc, và của ‘quốc tế’! Tức Trung Quốc trong suốt vài thế kỷ sau Lê Lợi vẫn tiếp tục gọi nước Nam là An-Nam. Bằng chứng: (i) Bắc Kinh tấn phong Nguyễn Huệ với tước *An-Nam* quốc vương, trước khi Gia Long vào năm 1802 sai sứ sang Tàu xin đổi quốc hiệu ra Nam Việt trở lại. (Nhưng nhà Thanh không cho vì nghĩ đến nước Nam Việt rộng lớn của Triệu Đà trước đó khoảng 2000 năm đã lan qua đến một phần của Quảng Đông và Quảng Tây, nên chỉ thuận với tên Việt Nam). (ii) Hoà ước Patenôtre 1884 vẫn ghi nước Việt là Đại Nam. Nghĩa là đối với những người có công tạo dựng và truyền bá chữ quốc ngữ trong suốt trên 200 năm, từ Việt hay Yết hoàn toàn không có trong tâm thức của họ!!! Họ chỉ biết nước đó là nước An Nam, hay cùng lắm thêm vào Cochinchine (Nam kỳ) hay Tonkin (Bắc kỳ) mà thôi. Họ gọi chung người Yết là người An Nam (Annamites). Trong giả thiết quy lỗi ở những vị Thầy đầu tiên trong khoảng thế kỷ 17-19 đã gây ra chuyện ký âm biến chuyển ở V đi làm dấu hai họ W và Y (hay By), chúng ta có thể đặt ra thêm 3 giả thiết nhỏ nằm dưới tiêu đề giả thiết ‘Sai do lỗi ở Thầy’.

Giả thiết nhỏ thứ nhất: Ký âm này do ở chỗ chính các tác giả đầu tiên chưa thấm nhuần và thông thạo toàn diện tiếng Nôm, như đã bàn qua ở phía trên. Có lẽ các tác giả đầu tiên phải thảo ra chữ quốc ngữ trong một thời gian ngắn do ở nhu cầu cấp bách. Thành ra còn một hai âm chưa được nghĩ ra hoàn tất như âm ‘By’ trong

các từ như Byải (vải), Byua (vua chúa - tuy nhiên Bình Nguyên Lộc có ghi các Cổ đạo thoát đầu có ghi Bua cho Vua như ta đọc ngày nay), Byiệt (trong Nam Việt - bởi lý do người Nhật gọi Việt Nam là Beto-Nam), v.v.

Giả thiết nhỏ thứ hai: Ký âm này do ở các Thầy (hay Cô - như các Bà Sơ chẳng hạn) ở thế hệ thứ hai, và thứ ba, v.v. Đó là những Cổ đạo, những giáo sĩ đến nước Nam một vài chục năm hay cả trăm năm sau các tác giả ban đầu, bấy giờ đã về với cõi Chúa. Tất nhiên khả năng tiếng Việt của họ có thể sâu rộng hơn hay kém thông thạo so với các giáo sĩ tác giả nguyên thủy. Thêm vào đó chắc chắn có thêm các thầy cô người Việt bản xứ đã theo giúp việc truyền bá chữ quốc ngữ. Trong tất cả những người thuộc các thế hệ tiếp nối này chắc chắn sẽ có vài vị thắc mắc một vài điểm kỹ thuật trong toàn bộ chữ quốc ngữ mà các giáo sĩ như Alexandre de Rhodes đã ‘sáng chế’. Và . . . có thể họ đã tự ý thay đổi một vài âm - trong đó có âm V hoàn toàn thay thế cho các âm bắt đầu bằng Y (như yên chức, thay bằng viên chức), bằng By (Byải: thay bằng Vải), hay bằng B (Bua: thay bằng Vua). Khi họ thay như vậy người Bắc Hà hoàn toàn chấp nhận đổi mới và đọc luôn những từ đó bắt đầu bằng V. Người Nam Hà ngược lại tưởng V dùng để ký âm cho By (ông byua, bà byải) hay Y (yũ lộ, diễn yên), nên khi gặp phải bất cứ từ nào bắt đầu bằng V họ đều đọc tuốt ra ra By hay Y hết trơn: Byãn hoá (văn hoá), con yoi (con voi), v.v.. Họ đọc và đọc lầm một số từ bắt đầu bằng W khi xưa - như tiền nhân họ đã từng đọc khi còn ở miền Bắc - nhưng vẫn giữ được cách đọc đúng của lối phát âm trên toàn cõi nước trước đó khoảng trên 100 năm: Yiệt Nam hay Byiệt Nam! Ở phía dưới ta sẽ thấy giải thích tại sao D được đọc như Dz tại Bắc Hà - và chính điểm này cộng với âm chữ V của miền Bắc là một âm hoàn toàn ‘Tây’ khiến ta có thể đặt ra thêm một giả thiết nữa. Đó là các Thầy ở các thế hệ sau của phía Bắc có thể vẫn gồm nhiều giáo sĩ gốc Pháp hơn các Thầy dạy chữ quốc ngữ ở Nam Bộ. Ta có thể tìm ra luôn một sự liên hệ mật thiết (strong correlation) giữa phát âm chữ V, chữ Dz (thay cho D) ở miền Bắc với tỷ số người theo Đạo ở miền Bắc so với miền Nam.

Giả thiết nhỏ thứ ba là một giả thiết mang nhiều trí tưởng tượng và ảnh hưởng của các phim xê-nê Hollywood. Đó là loại giả thiết theo kiểu conspiracy theory (thuyết về âm mưu toa rập), được đặt ra để viết tiểu thuyết, để làm đề tài quay phim kinh dị thu hút hàng triệu khán giả trên toàn cầu. Thường chỉ để giải trí mà thôi. (Xin xem phim Conspiracy Theory gần đây do Mel Gibson và Julia Roberts thủ vai chính). Thuyết về âm mưu toa rập sẽ nói có thể đã có một nhóm thực dân chủ trương phải cho hai kỳ Bắc và Nam phát âm khác nhau để chia nước Nam ra cho dễ cai trị. Rất dễ, họ chỉ cần dạy người học chữ quốc ngữ lần đầu, trong Nam từ

nào viết bắt đầu bằng V hãy đọc By hay Y, ngoài Bắc hễ thấy từ nào viết bắt đầu bằng V cứ đọc như tiếng Tây. Chỉ có vậy thôi.

Quan sát Thầy rồi, xin thử quan sát Trò. Trò là ai? Trước khi chữ quốc ngữ đến với hàng vạn rồi hàng triệu người học trò cuối cùng là những người trong dân gian, những người học trò đầu tiên, trong số hàng chục đến hàng trăm hàng ngàn trong thời buổi ban đầu, đều trở thành những người Thầy người Cô nhận trách nhiệm thiêng liêng truyền bá chữ quốc ngữ cho dân tộc. Đa số những người học trò đầu tiên nhanh chóng trở thành Thầy đó đều là những người Việt, những người theo Đạo, những người theo Tây học, và một số sĩ phu tiến bộ đã thấm nhuần Nho học. Ta có thể suy đoán rằng chỉ có chừng một trăm người học trò ban đầu đã có thể học chữ quốc ngữ trực tiếp từ các tác giả đã ‘sáng chế’ ra chữ quốc ngữ mà thôi. Điểm này vẫn chưa quan trọng. Điểm khác biệt quan trọng nhất của người học trò, hay ‘đồ đệ’, ở thế kỷ 17-19 với người học trò, hay ‘sinh viên’, ở cuối thế kỷ 20 và sang thế kỷ 21 hiện nay là gì? Đó là người học trò ở các thế kỷ trước dưới ảnh hưởng ngàn đời của văn hoá Trung quốc cổ xưa luôn luôn tôn kính các bậc Sư bậc Thầy của mình. Thầy dạy gì học đó, không hề thắc mắc hay đặt nghi vấn với Thầy. Đó cũng là người học trò ở các thế kỷ trước hoàn toàn thiếu thốn trang bị của tinh thần khoa học Tây Phương như ngày nay. Tinh thần khoa học bao gồm việc phân tích và tổng hợp dựa vào những quan sát khách quan về sự kiện. Thiếu sót về phân tích khoa học cộng với dư thừa trong việc tôn kính ân sư đã khiến những người Học Trò-trở-thành-Thầy đó qua nhiều thế kỷ không thể nào ‘phát hiện’ được một vài điểm thiếu hoàn hảo (như V dùng để thay cho W và Y) nằm ngay trong lòng tiếng Việt mến yêu.

Thế còn những người học trò có ít nhiều hiểu biết về tiếng Tàu thì sao? Tại sao tiếng Tàu đọc Yue Nan hay Yuet Nam cho Việt Nam mà họ cũng không phát hiện được có cái gì hơi lạ ở chữ quốc ngữ? Ta phải phân biệt thêm tiếng Tàu ở nước Việt Nam là gì. Thường gọi đó là tiếng Hán hay đúng hơn, Hán Việt. Tiếng Hán Việt là một hệ thống phiên âm tiếng Tàu nói theo giọng Hoa Bắc, tức gần với giọng Quan Thoại hơn giọng Quảng Đông (xem Vũ Thế Ngọc, Bình Nguyên Lộc). Thật ra nó gần với giọng tiếng Tàu ở thời Trung Cổ hơn hiện tại (xem Vũ Thế Ngọc). Nó lại được phiên âm theo ‘khẩu vị’ của người Việt phát âm tiếng Nôm. Thí dụ Hoài Cổ quan thoại đọc Huai Gu, Nam Bắc quan thoại đọc Nan Bei, Mao Trạch Đông, đọc Mao Ze Dong, tái kiến, quan thoại: zai jian. Người Việt Nam đọc tiếng Hán Việt người Tàu chỉ hiểu được chừng 5 phần trăm là cao!! Ngược lại người Tàu, Quảng Đông, Phúc Kiến hay Bắc Kinh có đọc thơ văn Lý Bạch hay nói

cái gì đi nữa, người tinh thông Hán Việt nhất cũng chỉ có thể đoán được đến 10 phần trăm là giỏi lắm rồi!

Cái thế bí mật của sự biến chuyển âm chữ W và Y sang âm chữ V như Vương Yũ thay vì Vương Vũ, yĩnh yễn cho vĩnh viễn, người rành tiếng Hán Việt qua nhiều năm vẫn không thể khám phá ra được bởi vì chữ quốc ngữ đã được dùng để ký âm luôn cho tiếng thuần Nôm (như *đi về, sức máy, động trời*) và tiếng Hán Việt (*trọng yếu, Kinh tế, vũ lộ, vĩnh viễn*). Và tiếng Hán Việt đã tách rời khỏi tiếng Tàu từ lâu trong cách phát âm. Tiền nhân Việt Nam không bao giờ phải kiểm lại rằng từ Hán Việt này, từ Hán Việt nọ hiện đang được phát âm bên Tàu ra sao. Tiếng Việt biến chuyển ra sao thì tiếng Hán Việt cũng thay đổi y như vậy. *Yũ* để chỉ mưa, lông chim viết thành *Vũ* thì tiếng Hán Việt cũng phải chấp nhận dùng *Vũ* luôn thôi. Thành ra chỉ cần sang một thể hệ ký âm không đúng sẽ dễ dàng trở thành đúng.

Có một giới rất rành tiếng Việt và tiếng Quan Thoại, Quảng Đông, v.v. sau khi chữ quốc ngữ ra đời. Đó là những người sứ thần hay tùy viên sứ quán sang Tàu làm việc và những nhà cách mạng Việt Nam bôn ba lưu vong và sống lâu năm bên Tàu. Hoặc những thương gia gốc Hoa hay gốc Việt đi qua đi lại hai nước. Nhưng những người này lại là những người không bao giờ có được một phút rảnh rang để nghĩ đến chữ quốc ngữ! Tự chung những điểm thiếu hoàn hảo của V đã ẩn mặt dễ dàng đối với cả hai giới thông thạo chữ Nho (Hán Việt) và giới nói rành tiếng Quảng Đông hay Quan thoại.

Ta cũng phải để ý sự nồng nhiệt trong việc đón nhận rồi giúp truyền bá chữ quốc ngữ của giới sĩ phu trí thức của nước An-Nam. Mục đích sâu xa và thầm kín của họ chắc hẳn đã bao gồm việc mở mang và nâng cao dân trí để giành lại chủ quyền quốc gia, tạo dựng cho dân tộc một ngôn ngữ mới tách khỏi cái rườm rà rắc rối của chữ Nôm và chữ Tàu. Họ có thân Tây ít nhiều đi nữa, việc đóng góp vào sự phát triển chữ quốc ngữ, theo thiện ý, là một hành động mang tính chất cách mạng, góp phần không ít trong việc đánh đuổi thực dân. Thời gian hai ba trăm năm xem ra thật ngắn, rất ngắn trong sự bận rộn của cả một dân tộc lo thức tỉnh trước trào lưu tiến bộ của thế giới, lo tranh thủ độc lập cho nước nhà. Bởi vậy V thế cho W và Y, D thay cho Y, rồi Đ bắt đắc dĩ trám chỗ cho D-Tây là những chuyện ‘tâm phào’, ‘vu vơ’ chẳng ai màng để ý đến.

Bây giờ xin quan sát phát âm chữ D-Việt, và thử tìm giải thích tại sao người Bắc Hà thường có khuynh hướng phát âm thành Dz.

Việc thay thế cho âm Y bằng D-Tây (đọc là Đ) như dans le jardin, Demi Moore, diaspora, rồi dùng Đ của tiếng Iceland trám chỗ cho D là một việc làm thiếu hoàn hảo của các tác giả chữ quốc ngữ. Đó là những từ như Dầu (quan thoại: You), Dùng (Yong), Dể (Yi), Dì (Yi, chị hay em gái của mẹ), Dược (như Dược Sĩ, quan thoại Yao), v.v. Và rất có thể D-Việt, nếu dùng để thay cho Y, đáng lẽ phải được dùng viết luôn cho những từ như Dĩnh diển (vĩnh viễn, yong yuan), công diên (công viên, gong yuan), v.v. Nhưng lại không. Từ đó ta có thể thêm một giả thiết rằng phải chăng tiền nhân Việt Nam ở thế kỷ 17 hoặc trước đó đã phát âm đến phân nửa các từ bắt đầu bằng V như Việt Nam, công viên, vãi vốc, thật sự bằng By như Byệt nam, công byiên, byải byóc, cho nên các tác giả ban đầu đã không ký âm các từ này bắt đầu bằng D-Việt tức âm Y thuần túy?

Việc thay thế âm Y bằng D-Việt đã gây ra 2 hệ quả quan trọng. Thứ nhất, đối với người Việt di tản ra định cư ở nước ngoài, những người có tên bắt đầu bằng chữ D-Việt đành phải từ giả lối phát âm của tên cha mẹ đã đặt cho mình. Danh đọc thành Đan, Di đọc thành Đi, Diên đọc thành Điện. Và đặc biệt hai tên đẹp cho người nữ và người nam là Mỹ Dung và Anh Dũng đều phải đọc My Dung và Anh Dung. Dung hay Dũng viết không dấu thành ra Dung hết. DUNG đọc theo tiếng Mỹ tiếng Anh lại trở nên một danh từ mang ý nghĩa ‘hết sức hồi hám’ (nghĩa: phân bò)! Do đó khuynh hướng thông thường hiện nay của người Việt định cư ở các nước nói tiếng Anh tiếng Mỹ mang tên bắt đầu bằng chữ D thường bắt buộc phải biến nó ra thành Dz, biến Dung thành Dzung, hoặc một đôi khi và có vẻ đúng hơn: Yung, như Yung Krall.

Hệ quả thứ hai xảy ra tại miền Bắc có lẽ cũng đã hai ba trăm năm rồi. Đó là lối phát âm D-Việt thành ra Dz. Xin nhắc lại D-Việt có âm như Y, trong *dinh dưỡng*, và D-Tây có âm như Đ, trong *dans, Denis, Disneyland*. Ta hãy thử tìm giải thích hiện tượng này bằng hai giả thiết sau đây.

Giả thiết thứ nhất là giả thiết ‘Sai theo lối hài thanh’ như đã đề cập ở phía trên. Đó là cách phát âm theo với chữ viết, như V viết cho Vũ thay vì đúng ra phải Y như Yũ chỉ mưa gió, người đọc sẽ đọc nó như Vũ (với âm V của tiếng Tây). Theo với giả thiết này ta hãy xem âm bắt đầu bằng D-Việt đã có viết chuyển biến qua lại với âm bắt đầu bằng Gi hay không. Thí dụ: *dở chứng* hay *giở chứng*; *Dành giật* hoặc *giành giật* - với điều kiện ta phải thấy rõ rằng sự biến chuyển qua lại này xảy ra rất nhiều trong tiếng Việt.

Lật một quyển từ điển Việt Hán ta thấy những điểm rõ rệt như sau:

- D-Việt như trong Dầu hỏa, dĩ vãng, dinh dưỡng, dự báo, di cư, biểu diễn, đỉnh ngộ, Dương Qua, v.v. nếu bắt nguồn từ tiếng Hán với những từ tương tự đều phải bắt đầu bằng Y: Shi you (đầu từ đá), yi wang, ying yang, yu bao, yi ju, biao yan, ying wu, Yang Guo.
- Âm Gi trong tiếng Việt, gần gũi với âm Dz, như Trường Giang, giám hộ, thế giới, giao thiệp, giải thích, giới tuyến, Giáo Hoàng, giảm giá, Giang Trạch Dân, nếu bắt nguồn từ chữ Hán thông thường sẽ bắt đầu bằng Ji: Chang jiang, jian hu, shi jie, jiao she, jie shi, jie xian, Jiao huang, jian jia, Jiang Ze Min, v.v.

Gần như hoàn toàn không có âm nào bắt đầu bằng Ji trong tiếng quan thoại khi chuyển qua tiếng Hán Việt lại bắt đầu bằng D-Việt cả. Như vậy D-Việt đặt ra để thay thế chính yếu cho Y. Nguyên thủy bắt buộc phải đọc yâu hỏa, dĩ vãng, yinh dưỡng, yự báo, yi cư, biểu yễn, v.v.

Ta cũng phải xem xem trong những từ Việt thuần Nôm có những từ nào có thể bị tình nghi gây ra lỗi sai hài thanh cho chữ D-Việt hay chẳng. Tìm tòi bằng cách đối chiếu với các tiếng như tiếng Mường, tiếng Khả Lá Vàng, tiếng Mã Lai, v.v. Rất khổ việc này cực kỳ khó khăn vì ở Việt Nam cho đến nay hình như chỉ có vài ba người đã nghiên cứu về vấn đề này, như Bình Nguyên Lộc và Hồ Lê. Chỉ có thể tìm ra lác đác một hai từ trong các bản đối chiếu đã xuất bản:

Dừa (Coconut): Nyor (Mã Lai), Đôn (Kampuchia), Prao (Thái Lào)
 Dòm (Nom/Lom, look): yôô (Darang), yao (Vu), yau (En), yaung (Son)
 Dừa (Vỡ, sweep off): iok (Hrê), yok (Bahna), yok (Xơ đăng), chok (Giế triêng)
 Giết (kill): kuchit (Môn), goxót/xvê (Kôho), kachê (Tà Ôi), ziet (Theng)
 Gió (wind): kyaal (Môn), koyol (Khơme), kayê (Hrê), kuyal (Bru), khial (Co)
 Giỡ (giỡ nhà, lift/remove): yuk (Môn), yoik (Danaw), Đ-yuk (Palaung),
 yok (Mnông)

Ta để ý trong bản đối chiếu ngắn ngủi này, âm D-Việt vẫn còn tương đương với âm Y. Âm Gi khi thì gần với Y như trong Giỡ và Gió, nhưng rõ ràng sát với Gi như trong Ziet (giết), tiếng Theng, hay kachê tiếng Tà Ôi, hoặc goxót (Kôho) đọc thật nhanh.

Giả thiết đọc D-Việt thành ra Dz do ở sự biến chuyển con thoi qua lại giữa D-Việt và Gi do đó thiếu sức thuyết phục vững chắc.

Giả thiết thứ hai liên hệ đến việc ‘sai do lỗi ở Thầy’ như đã đề cập phía trên. Các Thầy ban đầu, nhất là các Thầy nói tiếng Tây rất quen, đa số đã phát âm D-Việt (tức Y, như trong *dan dứ*) thành ra Dz trong hàng chục hàng trăm năm đầu, nên các trò và đại đa số dân chúng phía Bắc đã tiêm nhiễm và phát âm theo y như vậy. Thế nghĩa là thế nào?

Muốn hiểu rõ ta hãy thử đặt mình vào vị trí của những vị Thầy vào thế hệ thứ hai thứ ba sau các tác giả đầu tiên. Từ Pháp đến xứ An-Nam những người Thầy đó phải học cấp tốc tiếng quốc ngữ của người bản xứ để mai mốt có thể giảng đạo. Họ tự học cấp tốc tiếng quốc ngữ bằng cách thực hành qua trung gian những người rành 2 thứ tiếng Tây và Nôm, hoà mình ‘nói đại’, ‘học đại’ với người địa phương, cũng như ngày đêm tra cứu những quyển sách tài liệu mà các người ‘sáng chế’ chữ quốc ngữ đầu tiên đã để lại. Khó khăn thông thường nhất của những vị Thầy Tây này và ngay cả những người Việt bản xứ đã học qua chữ cái alphabê và thông thạo tiếng Tây là gì? Đó là khó khăn nhận diện một chữ cái rất quen thuộc ở tiếng Tây nhưng bị ‘cưỡng ép’ phát âm khác biệt một trời một vực. Đó là chữ D-Tây (đọc là Đ) bị ép phải đọc như Y (viết *đang dở*, lại không đọc *đang dở* như Tây, mà phải đọc là *yang yở!*). Bởi chữ D-Tây đã và đang bị thay thế một cách thiếu tự nhiên bằng Đ, như *đáo đế*, đáng lẽ phải viết theo kiểu Tây là *áo đế*! Rõ thật lộn xộn.

Thế tại sao D tự nhiên biến thành Dz? Xin mạo muội đưa ra giải thích rằng mỗi khi các vị tôn sư người Pháp này hay các Thầy người Việt chưa rành chữ quốc ngữ (trong lối đánh vần) nhưng đã khá thông thạo tiếng Tây gặp phải những từ viết bằng chữ D trong giờ ‘Tập Đọc’ của lớp học chữ quốc ngữ: những từ như *Danh dạy dỗ Duyên, Dung dạn dĩ* (với) *Danh*, v.v., họ sẽ dễ dàng bị lúng túng và . . . nhầm lẫn. Theo bản năng cố hữu từ thuở cha sinh mẹ đẻ, họ sẽ dễ đọc nhầm chữ D-Việt thành ra chữ D-Tây trở lại (tức Đ, như au dedans, déjà-vu, v.v.). Tức họ sẽ đọc *Danh* thành *Đanh* trong chừng một tíc tắc của thời gian, chừng 1 phần trăm hay một phần ngàn của một giây đồng hồ. Sau khoảng thời gian nhanh chóng đó, với trí hiểu biết của một bậc Thầy họ nhận diện liền ngay tức khắc rằng *Danh* phải đọc là *Yanh*, lập tức họ sẽ biến chuyển phần phát âm còn lại trở thành *Yanh*. Tức là họ sẽ phát âm D như Đờ-Yờ và *Danh* như Đờ-Yờ-ANH.

Ta thử đọc nhanh Đờ-Yờ xem sao: Đờ-Yờ => Đờ-Yờ => Đờ-Yờ => ĐờYờ

Nhanh hơn nữa: ĐờYờ => ĐờYờ => ĐờYờ => Đ-Y => Đy = ĐY => . . . ĐZ= Dz !!!

Đọc thử Duyệt (lịch duyệt) hay Dĩnh (dĩnh ngộ) thật nhanh theo kiểu những vị Thầy gốc người Pháp xem sao:

ĐờYờ-uyệt => ĐờYờ-uyệt => Đ-Yuyệt => ĐYuyệt => . . . ĐZuyệt = Dzuyệt !!!

ĐờYờ-ĩnh => ĐờYờ-ĩnh => Đ-Yĩnh => Đyĩnh => . . . Đzĩnh = Dzĩnh !!

Âm Y đi theo sau chữ D-tây sẽ trở thành một âm gió y hết như âm Dz. D trước z trong Dz chính nguyên thủy là D-Tây. Và Dz thật ra phải được viết là Dy, hay đúng phiên âm hơn ĐY. Nhưng quyền viết ra Dz là quyền của người hay những người viết ký âm ra nó đầu tiên. Sự biến chuyển của D-việt ra Dz này nghĩ cho kỹ cũng vẫn là một biến chuyển do ở 'hài thanh'. Thấy chữ giống nhau người ta hay đọc giống nhau: Thấy chữ D-Việt lại lầm là D-Tây nên thay vì phát âm như Y các Thầy thời xa xưa đã có khuynh hướng nhận diện và phát âm nó như D-Tây. Nhưng chỉ trong một khoảng thời gian cực ngắn mà thôi. Sau đó các Thầy Tây này sẽ nhanh chóng nhận thức sai lầm của mình và uốn lười lại sao đó để trả nó về âm Y. Từ đó sinh ra Dy và Dz.

D đọc ra Dz và V đọc luôn cho W và Y hay By, cả hai dễ dàng đưa chúng ta đến giả thiết rằng các Thầy dạy chữ quốc ngữ ở Bắc Hà nhiều người Pháp hơn ở Nam Bộ, và việc này cũng liên hệ mật thiết đến số người theo Đạo ở Bắc Hà có vẻ đông hơn ở Nam bộ.

Thử kiểm chứng thêm về giả thiết 'hài thanh' của những vị Thầy ban đầu trong âm D (cho Y) đọc như Dz. Ta phải tìm xem có một trường hợp nào tương tự như vậy chẳng? Có. Thật ra âm Dz là một thứ âm Z nhẹ, rất nhẹ. Giữa D-việt và Z. Nó cũng giống xa xa gần gần với âm Z trong pinyin của tiếng Quan thoại: Mao Ze Dong (Mao Trạch Đông), zai jian (tái kiến), zai nar (tại đâu), v.v.. Âm Z này của tiếng quan thoại ngày xưa phiên âm theo kiểu Wade-Giles (xin xem bài chữ-V) được viết là Ts: Mao Ze Dong xưa được viết Mao Tse Tung. Nay, theo pinyin do chính người Tàu soạn lại, Ze thế Tse, Dong thế Tung. Tung với Dong, nhất là T với Đ, là hai âm có động tác phát âm ở lưỡi gần giống nhau. Thí dụ để ý khi đọc Toàn hay Đoàn, Đoàn chỉ khác với Toàn trong vị trí đầu lưỡi nằm sâu trong miệng hơn một chút. Ts (tức TờXờ - trong Mao Tse Tung) đọc nhanh cũng giống như Đờ-Xờ (Ds), ngày trước đã dùng y như cho Z-nhẹ ngày nay - trong Mao Ze Dong. Thành ra chữ D-Việt đọc theo giọng lớ của các Thầy gốc Pháp là Dz hay DY, tức một loại Z-nhẹ, cũng giống như một loại Z-nhẹ KHÁC đã được dùng để thay cho TờXờ (Ts) trong pinyin (phiên âm) của tiếng quan thoại ngày nay.

Bài này đặc biệt sẽ không có phần kết. Chỉ xin tóm tắt một vài điểm chính:

- Tiếng Việt cho đến thế kỷ 17 hoàn toàn không có âm chữ V.
- Trong việc kiến tạo chữ quốc ngữ, các giáo sĩ đã dùng chữ V thay cho W (như con Woi) và Y hay By (như Yiệt Nam hay Byiệt Nam).
- Vấn đề tìm hiểu âm cổ của chữ V thật sự là một chuyện ‘vu vơ’ trong trên 300 năm qua.
- Chữ D phát âm như Dz là hệ quả tất yếu của việc dùng D thay cho Y, rồi Đ thay cho D-tây, mà những vị Thầy người Pháp đã vương phải do ở thói quen ‘hài thanh’.

Postscript 1 (*Viết Sau*): (a) Phạm Quỳnh trong tạp chí Nam Phong số 84 Tháng 6 - 1924 (xem Phạm Quỳnh 1892-1992, Nhà xuất bản An Tiêm 1992) đã dùng ‘*yêm-bác*’ tiền thân của *uyên bác* sau này. Học giả họ Phạm cũng dùng i-ngắn trong các từ như *mĩ thuật*. *Yêm bác*, xuất xứ từ tiếng quan thoại *yuan bo*, có lẽ là từ cuối cùng có phát âm Y như quan thoại được biến chuyển ra khỏi Y trong thời đại cận kim. Việc biến chuyển của *Yêm bác* đã để lộ một vài tông tích và dấu vết: (i) Tiếng Hán Việt ngày xưa quả thật đã dùng âm Y (như D-Việt) cho phân nửa âm hiện bắt đầu bằng V ngày nay; (ii) Sở dĩ *Yêm bác* còn tồn tại cho đến khoảng thế chiến thứ 2 là vì đó là một loại từ ít được dùng tới, và người trong dân gian coi đó là thứ dao to búa lớn, không hiểu đó là gì; (iii) *Uyên bác* thật sự sẽ có ký âm là *Wiên bác* nếu chữ quốc ngữ có chữ cái W, hay ít lắm đáng lẽ phải viết thành *viên bác*. Điều này chứng tỏ ai đó (có lẽ thuộc Tự Lực Văn Đoàn) viết lại *Yêm bác* thành *uyên bác* có hiểu biết rằng V đã thay cho W và Y, nhưng vì phải biến đổi trở nếu không nói sau cùng, nên thay vì viết *viên bác* hay *viêm bác* họ phải viết thành *uyên bác*. Sao vậy? Có lẽ bởi *Viên* hay *Viêm* đã bị các từ mang nghĩa khác cũng biến từ âm Y chiếm mất hết rồi: *Công Viên* (gong yuan) và *Viêm Nhiệt* (Yan re)!

(b) Bình Nguyên Lộc có trích dẫn từ công trình nghiên cứu về người Mường của Jeanne Cuisinier: ‘*Les Mường, Géographie humaine et Sociologie*’, xuất bản năm 1946, viết rằng ‘*người Mường có khuynh hướng phát âm chữ V như Bi*’. Nghĩa là *vải vóc* họ đã đọc như *Biải Biốc*, y hệt như người Nam Bộ! Và theo thống kê năm 1946 của bà Cuisinier, tổng số người Mường độ 300000, trong đó 136000 cư ngụ ở Hoà Bình, 86000 sống ở Thanh Hoá, 30000 ở Phú Thọ, 20000 tại Sơn Tây.

Postscript 2: Phần Viết Sau này được viết sau phần trên khoảng gần 2 tháng, sau khi bài đã được in ấn, xuất bản trên nhiều tạp chí. Viết Sau này trích dẫn một vài

điểm tìm thấy trong quyển ‘Chữ Nôm: Nguồn Gốc - Cấu Tạo - Diễn Biến’ của Đào Duy Anh do nhà Đông Nam Á xuất bản năm 1973.

Điểm 1: V bắt nguồn từ W. Trang 111: ‘*Trường hợp V do H hay Kh chuyển thành: Ví như **vôi** do ở **khôi** (**hôi**). Theo ông Vương Lực nghiên cứu thì V và H có quan hệ mật thiết. H khi đầu phải đọc là Hw về sau H rớt đi còn lại w (tiếng Nam Bộ rõ lắm), rồi w dần dần biến thành v. H và Kh thì vốn là hai âm gần gũi (cũng xem tiếng Nam Bộ).*’

Điểm 2: V bắt nguồn từ B (tức By).

Trang 140: *VUI: Bộ Tâm nghĩa là **tâm tình + bôi**; ôi → iu.* Vui viết theo chữ Nôm kẹp với âm Bôi tức là xưa phải đọc BUI.

Trang 149: *Vội: Hán Việt là Bội, giả tá tư; b → v.* Vội ngày xưa đọc Bội.

Trang 155: *Vâng: Có lẽ do . . . viết lầm thành quen, bộ KHẨU nghĩa là **miệng + Bang**; b → v.* Vâng kẹp với Bang nên xưa đọc Bâng.

Trang 158: *Vợ: Nữ nghĩa là **đàn bà + bị**; b → v.* Vợ rõ ràng khi xưa đọc Bợ.

Nguyễn Nguyên